

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2021/HN-ST**

Ngày: 19/3/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST - HN ngày 01/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST - HNGĐ ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Trần Bé M**, sinh năm: 1991. (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp K 1B, xã Đ Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Anh **Lâm Chí T**, sinh năm: 1983. (*Vắng mặt không có lý do*)

Địa chỉ: Ấp 9A, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Bé M trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Lâm Chí T chung sống với nhau từ năm 2006. Trước khi chung sống thì anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiến tới hôn nhân, anh chị có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã Th H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2012. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại ấp 9A, xã Th H cho đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian vợ chồng chung sống, anh chị luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường hay cự cãi, anh T không quan tâm lo lắng cho vợ con. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không có cơ hội để hàn gắn nên không còn tình cảm.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung cháu Lâm Chí V (sinh ngày 08/8/2008) và cháu Lâm Kim Đ (sinh ngày 26/10/2012). Hiện nay 02 cháu đang chung sống cùng chị M.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Nay, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Chí T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng; tài sản và nợ chung không có tranh chấp nên chị không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Chí T không có lời trình bày.*

\* *Tại phiên tòa*:

- *Chị M*: Vắng mặt

- *Anh T*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Bé M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Chí T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Oanh khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh T đang cư trú và sinh sống tại ấp 9A, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh T chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Th H, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị M về việc ly hôn với anh T, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị M cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị M và anh T có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống và thật sự ly thân là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T không có mặt và chị M cương quyết ly hôn với anh T do vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa. HĐXX xét thấy, việc anh chị ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị M xác nhận chị và anh T có 02 con chung là cháu Lâm Chí V (sinh ngày 08/8/2008, giới tính nam) và cháu Lâm Kim Đ (sinh ngày 26/10/2012, giới tính nữ). HĐXX xét thấy, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và cháu Đ của chị M là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu (theo nội dung đơn xin trình bày nguyện vọng của 02 cháu ngày 10/11/2020) nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị M xác định không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị M phải chịu án phí ly hôn với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Bé M được ly hôn với anh Lâm Chí T.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao 02 cháu cháu Lâm Chí V (*sinh ngày 08/8/2008, giới tính nam*) và cháu Lâm Kim Đ (*sinh ngày 26/10/2012, giới tính nữ*) cho chị M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (*hiện nay 02 cháu đang chung sống cùng chị M*).

Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị M có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị M thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Trần Bé M chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006133 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị M không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị M và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã **Th H.**
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**